

Nguyễn
Duy Hà

Digitally signed by Nguyễn Duy Hà
DN: C=VN, S=THANH HÓA, L=Tp. Thanh
Hóa, O=CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI -
THANH HÓA, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA HÀ NỘI - THANH HÓA, T=Trưởng ban
kiểm soát, CN=Nguyễn Duy Hà,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:
038067031354
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-03-07 17:47:35
Foxit PhantomPDF Version: 9.7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT



MỤC LỤC

Nội Dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06 – 41
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>06 – 09</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2024</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2024</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024</i>	<i>13 – 41</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa tên cũ là Công ty CP Bia Thanh Hóa được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/3/2004. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 10 ngày 27/11/2018.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : 152 Quang Trung, P.Ngọc Trạo, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.
Điện thoại : (02373).858.622
Email : thb@biathanhhhoa.com.vn
Mã số thuế : 2800791192

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Trường Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Kiên Cường	Phó Chủ tịch
Ông Lương Xuân Dũng	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Trường Giang	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Duy Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên
Ông Trần Đức Giang	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc
Ông Đỗ Trường Giang	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Quỳnh	Phó Giám đốc

Từ ngày 01/08/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Kiên Cường

Số: 0207.01.06/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa, được lập ngày 04 tháng 03 năm 2025 từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 12 tháng 03 năm 2024 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Tân

GCNĐKHNTK số: 5348-2025-124-1

Kiểm toán viên

Lê Mỹ Trang

GCNĐKHNTK số: 3764-2021-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.519.930.302	248.104.006.124
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.509.710.192	60.252.117.508
1. Tiền	111		39.509.710.192	30.252.117.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.100.000.000	9.337.796.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	38.100.000.000	9.337.796.800
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.508.893.904	118.790.031.312
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	56.648.533.851	99.133.281.659
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.529.033.717	4.230.821.513
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	14.559.123.789	18.653.725.593
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.227.797.453)	(3.227.797.453)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		65.678.081.335	59.724.060.504
1. Hàng tồn kho	141	V.6	65.678.081.335	59.724.060.504
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		723.244.871	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	723.244.871	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.488.749.476	69.556.125.457
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.351.575.773	53.229.638.630
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	41.764.407.677	49.477.107.630
- Nguyên giá	222		582.505.154.267	580.281.026.266
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(540.740.746.590)	(530.803.918.636)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.587.168.096	3.752.531.000
- Nguyên giá	228		8.262.859.922	7.317.859.922
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.675.691.826)	(3.565.328.922)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.348.784.248	466.285.454
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.348.784.248	466.285.454
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.778.389.455	15.850.201.373
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10.062.016.220	15.016.031.446
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		716.373.235	834.169.927
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		280.008.679.778	317.660.131.581

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		132.430.776.813	168.842.916.440
I. Nợ ngắn hạn	310		122.567.574.087	157.257.570.714
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.577.190.637	38.177.470.781
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	31.923.466.488	16.376.798.121
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	15.995.028.487	28.150.515.154
4. Phải trả người lao động	314		11.755.517.366	13.578.755.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	205.000.000	64.720.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	53.300.861.003	56.792.612.865
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.810.510.106	4.116.698.716
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.863.202.726	11.585.345.726
1. Phải trả người bán dài hạn	331		312.904.575	312.904.575
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	9.550.298.151	11.272.441.151
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147.577.902.965	148.817.215.141
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	147.187.902.965	148.427.215.141
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.245.700.000	114.245.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		114.245.700.000	114.245.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	a			
	411		-	-
	b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.078.650.000	4.078.650.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.425.742.547	19.425.742.547
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.437.810.418	10.677.122.594
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		5.626.211.704	5.626.211.704
- LNST chưa phân phối kỳ này	a			
	421		3.811.598.714	5.050.910.890
	b			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		390.000.000	390.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		390.000.000	390.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		280.008.679.778	317.660.131.581

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng



Phùng Sỹ Hữu

Giám đốc



Nguyễn Kiên Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.655.106.128.284	1.531.851.841.049
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	30.521.737.882	28.075.653.740
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.624.584.390.402	1.503.776.187.309
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.506.753.078.857	1.388.818.830.973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.831.311.545	114.957.356.336
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.907.090.280	2.479.996.063
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	22.630.137	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.630.137	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	135.498.938.959	132.546.477.793
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	43.093.747.671	36.800.918.263
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(58.876.914.942)	(51.910.043.657)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	69.585.848.858	60.098.439.110
13. Chi phí khác	32	VI.8	4.764.451.952	1.742.966.152
14. Lợi nhuận khác	40		64.821.396.906	58.355.472.958
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.944.481.964	6.445.429.301
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.015.086.558	2.222.377.813
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		117.796.692	(827.859.402)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.811.598.714	5.050.910.890
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		3.811.598.714	5.050.910.890
20. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	226	350
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	226	350

Người lập biểu

Đoàn Thị Như Hoa

Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng

Phùng Sỹ Hữu

Phùng Sỹ Hữu

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Kiên Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01			
1. Lợi nhuận trước thuế			5.944.481.964	6.445.429.301
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.047.190.858	11.273.401.937
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.907.090.280)	(2.479.996.063)
- Chi phí lãi vay	06		22.630.137	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.107.212.679	15.238.835.175
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		45.666.932.981	6.424.776.803
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.954.020.831)	(5.065.744.207)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(34.288.765.457)	7.160.098.588
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.954.015.226	2.842.527.501
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.630.137)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.887.439.853)	(876.660.222)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		415.855.640	305.518.338
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.774.355.640)	(2.709.789.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.216.804.608	23.319.562.002
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.051.626.795)	(8.421.221.778)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(87.426.615.558)	(39.576.258.269)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		58.664.412.358	45.245.061.469
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.798.049.836	2.245.112.654
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(31.015.780.159)	(507.305.924)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.943.431.765)	(6.895.804.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.943.431.765)	(6.895.804.135)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15.742.407.316)	15.916.451.943
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		60.252.117.508	44.335.665.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	44.509.710.192	60.252.117.508

Người lập biểu

Đoàn Thị Như Hoa

Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng

Phùng Sỹ Hữu

Phùng Sỹ Hữu

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Kiên Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa tên cũ là Công ty CP Bia Thanh Hóa được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/3/2004. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 10 ngày 27/11/2018.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Nhân viên: Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 393 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 421 nhân viên).

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tên	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Kinh doanh các sản phẩm bia	15.000.000.000	100%	100%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường, giá trị có thể thu hồi của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kê toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

c) Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.966.706.180	788.625.251
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.543.004.012	29.463.492.257
Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng	5.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	44.509.710.192	60.252.117.508

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn:

Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sầm Sơn	17.000.000.000	17.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Thanh Hóa	-	-	4.100.000.000	4.100.000.000
Ngân hàng TMCP NN & PTNN Thanh Hóa	1.100.000.000	1.100.000.000	3.737.796.800	3.737.796.800
Cộng	38.100.000.000	38.100.000.000	9.337.796.800	9.337.796.800

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	31.241.102.656	60.468.856.343
Công ty TNHH Dịch vụ Thanh Hoa	5.076.914.150	5.045.204.005
Công ty TNHH Thiên Thanh	2.607.429.125	3.750.726.296
Phải thu khách hàng khác	17.723.087.920	29.868.495.015
Cộng	56.648.533.851	99.133.281.659

Phải thu là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM Quốc Tế Khải Minh	305.466.630	1.311.464.348
Công ty TNHH TM tổng hợp Tân khoa	-	2.421.475.695
Tổng công ty cổ phần bia - rượu - nước giải khát Hà Nội	2.876.677.643	-
Đối tượng khác	1.346.889.444	497.881.470
Cộng	4.529.033.717	4.230.821.513

Trả trước là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

5. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu khác ngắn hạn	-	1.159.348.481
Phải thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy Nghi Sơn	7.738.297.200	7.585.914.200
Phải thu về tiền cược bao bì, vỏ chai	612.350.960	503.310.516
Phải thu tiền lãi tạm tính	6.208.475.629	9.405.152.396
Phải thu khác	14.559.123.789	18.653.725.593
Cộng		
b. Phải thu khác dài hạn	10.000.000	10.000.000
Đối tượng khác	10.000.000	10.000.000
Cộng		

Phải thu khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.568.533.397	-	26.923.036.493	-
Công cụ, dụng cụ	3.478.406.432	-	4.464.071.807	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.745.388.618	-	11.519.371.323	-
Thành phẩm	5.908.676.165	-	9.916.349.943	-
Hàng hóa	12.977.076.723	-	6.901.230.938	-
Cộng	65.678.081.335	-	59.724.060.504	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	80.101.650.429	469.014.140.903	25.418.509.363	5.746.725.571	580.281.026.266
Số tăng trong năm	109.519.112	1.757.608.889	-	357.000.000	2.224.128.001
- Mua trong năm	-	1.757.608.889	-	357.000.000	2.114.608.889
- Xây dựng, lắp đặt trong năm	109.519.112	-	-	-	109.519.112
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	80.211.169.541	470.771.749.792	25.418.509.363	6.103.725.571	582.505.154.267
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	63.831.921.512	442.606.636.782	19.926.800.463	4.438.559.879	530.803.918.636
Số tăng trong năm	3.086.955.888	4.955.093.902	1.440.755.567	454.022.597	9.936.827.954
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	66.918.877.400	447.561.730.684	21.367.556.030	4.892.582.476	540.740.746.590
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.269.728.917	26.407.504.121	5.491.708.900	1.308.165.692	49.477.107.630
Số cuối năm	13.292.292.141	23.210.019.108	4.050.953.333	1.211.143.095	41.764.407.677

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết còn sử dụng: 452.203.340.030 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.752.531.000	3.565.328.922	7.317.859.922
Số tăng trong năm	-	945.000.000	945.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	3.752.531.000	4.510.328.922	8.262.859.922
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	3.565.328.922	3.565.328.922
Số tăng trong năm	-	110.362.904	110.362.904
Số giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	3.675.691.826	3.675.691.826
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.752.531.000	-	3.752.531.000
Số cuối năm	3.752.531.000	834.637.096	4.587.168.096

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết còn sử dụng: 3.565.328.922 đồng

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Bia xã Quảng Thịnh	329.785.454	329.785.454
Phần mềm bán hàng	-	136.500.000
Trạm nước bờ sông	1.018.998.794	-
Cộng	1.348.784.248	466.285.454

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ, vỏ chai keg xuất dùng	9.214.628.142	14.009.943.923
Sửa chữa lớn TSCĐ	847.388.078	1.006.087.523
Cộng	10.062.016.220	15.016.031.446

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả ngắn hạn				
Công ty TNHH TM & Vận Tải Thái Tân	1.005.298.688	1.005.298.688	1.548.957.111	1.548.957.111
Công ty TNHH Baosteel can making (Huế Việt Nam)	354.712.372	354.712.372	1.014.796.872	1.014.796.872
Chi nhánh Cty TNHH asia packaging industries Việt nam tại Miền bắc	-	-	2.331.543.288	2.331.543.288
Tổng Công ty Cổ Phần Bia Rượu NGK Hà Nội	-	-	29.731.970.486	29.731.970.486
Phải trả các đối tượng khác	5.217.179.577	5.217.179.577	3.550.203.024	3.550.203.024
Cộng	6.577.190.637	6.577.190.637	38.177.470.781	38.177.470.781
b. Phải trả dài hạn				
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329
Công ty TNHH Thương mại & KT Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600
Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000
Lương Văn Thắng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000
Phải trả các đối tượng khác	62.053.646	62.053.646	62.053.646	62.053.646
Cộng	312.904.575	312.904.575	312.904.575	312.904.575

Phải trả là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Phương Mai	3.526.603.712	5.709.284.173
Công ty TNHH Xuân Quang	7.361.008.642	9.296.648.074
Người mua trả trước khác	21.035.854.134	1.370.865.874
Cộng	31.923.466.488	16.376.798.121

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.626.100.585	45.823.241.525	48.841.596.053	2.607.746.057
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.080.786.996	233.193.127.971	241.954.366.386	12.319.548.581
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.201.833	1.201.833	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.440.854.973	2.508.781.579	2.887.439.853	1.062.196.699
Thuế thu nhập cá nhân	2.772.600	531.045.270	528.280.720	5.537.150
Thuế đất, tiền thuê đất	-	4.390.303.340	4.390.303.340	-
Thuế, các khoản nộp khác	-	131.865.870	131.865.870	-
Cộng	28.150.515.154	286.579.567.388	298.735.054.055	15.995.028.487
Thuế phải thu				
Thuế đất, tiền thuê đất	-	-	723.244.871	723.244.871
Cộng	-	-	723.244.871	723.244.871

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả khác	205.000.000	64.720.000
Cộng	205.000.000	64.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	78.384.951	103.013.051
Phải trả tiền cược chai kết	31.980.583.800	31.648.539.800
Phải trả tiền vỏ chai TCT CP Bia Rượu NGK Hà Nội	7.738.297.200	7.585.914.200
Phải trả phí bản quyền	176.696.000	34.336.783
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	695.347.310	640.179.575
Phải trả khác	12.631.551.742	16.780.629.456
Cộng	53.300.861.003	56.792.612.865
b. Phải trả khác dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3.630.013.133	5.352.156.133
Lãi vay phải trả	5.229.341.358	5.229.341.358
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	4.502.356.991	4.502.356.991
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	726.984.367	726.984.367
Phải trả khác	690.943.660	690.943.660
Cộng	9.550.298.151	11.272.441.151

Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	114.245.700.000	4.078.650.000	19.425.742.547	15.610.824.066	153.360.916.613
Lợi nhuận trong năm trước				5.050.910.890	5.050.910.890
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			-	(2.772.870.362)	(2.772.870.362)
Thường ban điều hành			-	(357.000.000)	(357.000.000)
Chia cổ tức			-	(6.854.742.000)	(6.854.742.000)
Số dư cuối năm trước	114.245.700.000	4.078.650.000	19.425.742.547	10.677.122.594	148.427.215.141
Số dư đầu năm nay	114.245.700.000	4.078.650.000	19.425.742.547	10.677.122.594	148.427.215.141
Lợi nhuận trong năm nay				3.811.598.714	3.811.598.714
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			-	(752.311.390)	(752.311.390)
Thường ban điều hành			-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức			-	(3.998.599.500)	(3.998.599.500)
Số dư cuối kỳ này	114.245.700.000	4.078.650.000	19.425.742.547	9.437.810.418	147.187.902.965

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	62.835.100.000	55	62.835.100.000	55
Vốn góp của các đối tượng khác	51.410.600.000	45	51.410.600.000	45
Cộng	114.245.700.000	100	114.245.700.000	100

c Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.424.570	11.424.570
- Cổ phiếu phổ thông	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.424.570	11.424.570
- Cổ phiếu phổ thông	11.424.570	11.424.570
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/cp		

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	1.195.310.556	1.195.310.556

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.652.794.954.613	1.529.110.867.089
Doanh thu dịch vụ, doanh thu khác	2.311.173.671	2.740.973.960
Cộng	1.655.106.128.284	1.531.851.841.049

b. Doanh thu với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	93.475.937.161	85.213.828.546
Doanh thu chưa VAT	170.504.164.150	154.804.444.570
Thuế TTĐB	77.028.226.989	69.590.616.024
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	26.812.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	30.521.737.882	28.075.653.740
Cộng	30.521.737.882	28.075.653.740

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	1.506.753.078.857	1.388.818.830.973
Cộng	1.506.753.078.857	1.388.818.830.973

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.907.090.280	2.479.996.063
Cộng	1.907.090.280	2.479.996.063

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	22.630.137	-
Cộng	22.630.137	-

6. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công, bảo hiểm	15.148.157.359	15.960.966.639
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	6.734.478.266	9.257.079.861
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ	91.616.847.086	85.369.036.382
Chi phí khác	21.999.456.248	21.959.394.911
Cộng	135.498.938.959	132.546.477.793
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	16.109.477.502	16.198.426.861
Chi phí tiền thuê đất	4.305.926.471	1.863.643.011
Chi phí khác	22.678.343.698	18.738.848.391
Cộng	43.093.747.671	36.800.918.263

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hỗ trợ	67.129.529.340	58.249.931.145
Thu nhập khác	2.456.319.518	1.848.507.965
Cộng	69.585.848.858	60.098.439.110

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao, thuê đất nhà máy nghỉ ngơi	1.219.390.570	1.591.533.244
Các khoản truy thu, vi phạm hành chính	2.171.560.191	151.432.908
Chi phí khác	1.373.501.191	-
Cộng	4.764.451.952	1.742.966.152

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN trong năm được dự tính như sau

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.944.481.964	6.445.429.301
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	4.130.950.825	4.666.459.764
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.988.541.462	6.306.977.189
+ Lương HĐQT không tham gia điều hành	156.000.000	156.000.000
+ Chi phí không được khấu trừ	6.832.541.462	6.150.977.189
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.857.590.637	1.640.517.425
+ Thu nhập không chịu thuế	2.857.590.637	1.640.517.425
Tổng lợi nhuận tính thuế	10.075.432.789	11.111.889.065
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN trong năm	2.015.086.558	2.222.377.813

10. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.811.598.714	5.050.910.890
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	(1.230.065.352)	(1.052.311.390)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.230.065.352	1.052.311.390
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	2.581.533.362	3.998.599.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.424.570	11.424.570
Lãi trên cổ phiếu	226	350
- Lãi cơ bản	226	350
- Lãi suy giảm	-	-

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này

(*) Lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: Xem thuyết minh VII.6 trang 38

(*) Lãi trên cổ phiếu năm nay được tính toán trên lợi nhuận sau thuế trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 ngày 26/04/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216.138.737.486	224.111.828.201
Chi phí nhân công	57.135.192.116	56.282.317.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.047.190.858	11.273.401.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.577.306.310	35.401.039.380
Chi phí khác	113.828.065.509	106.969.133.430
Cộng	438.726.492.279	434.037.720.859

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
 Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Ngoài phát sinh doanh thu bán hàng (Thuyết minh VI.1 trang 32) Công ty còn phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	Mua nguyên liệu	56.170.168.330	59.930.894.804
	Chia cổ tức	2.199.228.500	3.770.106.000
	Phí nhãn hiệu bia	387.816.008	483.255.335
	Mua bia	1.247.920.718.680	1.129.444.897.140
	Nhận hỗ trợ bán hàng	67.129.529.340	58.248.896.100
Công ty CP Bao bì Bia Rượu Nước Giải Khát	Mua nắp chai	4.933.640.000	5.270.260.000
	Mua hộp bia	1.711.044.060	1.645.496.100
	Thuê kho	1.177.774.296	1.177.774.296
	Phí bốc xếp	64.457.664	64.085.488
	Công ty cùng công ty mẹ		
Công ty CP Bao bì Bia Rượu Nước Giải Khát	Công ty cùng công ty mẹ		
	Công ty cùng công ty mẹ		
	Công ty cùng công ty mẹ		
	Công ty cùng công ty mẹ		

Công nợ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	Phải thu bán bia	31.241.102.656	60.468.856.343
	Phải trả mua bia	-	(29.731.970.486)
	Phải trả vỏ chai kết	(7.738.297.200)	(7.585.914.200)
	Phải trả phí bản quyền	(176.696.000)	(34.336.783)
	Phải trả mua nắp chai	-	(349.305.000)
Công ty CP Bao bì Bia Rượu Nước Giải Khát	Phải trả tiền thuê kho	-	(647.775.864)
	Công ty cùng công ty mẹ		
	Công ty cùng công ty mẹ		
Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO	Công ty cùng công ty mẹ		
	Công ty cùng công ty mẹ		
Công ty CP Bao bì Habeco	Phải trả mua hộp bia	(77.355.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng trị

Công ty cùng công ty mẹ	Phải thu dịch vụ bốc xếp	6.682.500	(17.307.685)
	Phải trả phí bốc xếp	(17.578.529)	

Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc				
Ông Bùi Trường Thắng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	96.000.000	96.000.000
Ông Lương Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc, Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
		Lương thường	463.990.000	435.346.000
Ông Lê Nguyễn Hùng	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	Lương thường	-	156.925.000
Ông Đỗ Trường Giang	Phó Giám đốc	Thù lao	60.000.000	60.000.000
		Lương thường	341.000.000	309.302.000
Ông Phùng Văn Quỳnh	Phó Giám đốc	Lương thường	270.684.000	-
Ban Kiểm soát				
Ông Nguyễn Duy Hà	Trưởng BKS	Lương thường	257.632.000	241.799.000
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Thành viên chủ chốt khác				
Ông Phùng Sỹ Hữu	Kế toán trưởng	Lương thường	327.574.000	306.444.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền, tương đương tiền	44.509.710.192	-	60.252.117.508	-
Phải thu khách hàng	56.648.533.851	2.704.080.767	99.133.281.659	2.704.080.767
Trả trước cho người bán	4.529.033.717	-	4.230.821.513	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	38.100.000.000	-	9.337.796.800	-
Phải thu khác	14.569.123.789	523.716.686	18.663.725.593	523.716.686
Cộng	158.356.401.549	3.227.797.453	191.617.743.073	3.227.797.453

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	6.890.095.212	38.490.375.356
Người mua trả trước	31.923.466.488	16.376.798.121
Chi phí phải trả	205.000.000	64.720.000
Phải trả khác	89.827.972.746	109.051.131.621
Cộng	128.846.534.446	163.983.025.098

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có bất kỳ tài sản nào được sử dụng để đảm bảo cho các khoản nợ và Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	118.983.331.720	9.863.202.726	128.846.534.446
Phải trả người bán	6.577.190.637	312.904.575	6.890.095.212
Người mua trả trước	31.923.466.488		31.923.466.488
Chi phí phải trả	205.000.000	-	205.000.000
Phải trả khác	80.277.674.595	9.550.298.151	89.827.972.746
Số đầu năm	152.397.679.372	11.585.345.726	163.983.025.098
Phải trả người bán	38.177.470.781	312.904.575	38.490.375.356
Người mua trả trước	16.376.798.121	-	16.376.798.121
Chi phí phải trả	64.720.000	-	64.720.000
Phải trả khác	97.778.690.470	11.272.441.151	109.051.131.621

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Thông tin về các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (nay là Công ty TNHH Kiểm toán NVA).

Số liệu lãi trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được Đại hội cổ đông thông qua năm 2024. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
Địa chỉ: 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, Tp. Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2023	Chênh lệch
	Đã báo cáo	trình bày lại	
Các khoản điều chỉnh giảm	2.122.561.841	1.052.311.390	(1.070.250.451)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.928.349.049	3.998.599.500	1.070.250.451
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	256	350	94
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	256	350	94

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Đoàn Thị Như Hoa

Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng

Phùng Sỹ Hữu

Phùng Sỹ Hữu

Giám đốc



Nguyễn Kiên Cường